

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/ DS-PT

Ngày: 12/6 /2019.

V/v: "Tranh chấp QSD đất"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đăng Phồn và ông Trần Quốc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú - Thẩm tra viên TAND tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Chung. Chức vụ: Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 06 và ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 12/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2019. Giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:* Bà Hồ Thị T, sinh năm 1966. Có mặt.

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966. Có mặt.

- Người được ông L ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1951.

Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Thị T:

Ông Đào Xuân K, sinh năm 1947. Có mặt.

Đều cùng địa chỉ: Xóm 6, xã Q1, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- *Đồng bị đơn:* Ông Hồ Trọng S, sinh năm 1954. Có mặt.

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1955. Có mặt.

- *Người được bà Phạm Thị H ủy quyền:* Ông Hồ Trọng S. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Xóm 6, xã Q1, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1951. Có mặt.

Địa chỉ: Khối 3, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người kháng cáo: Ông Hồ Trọng S là bị đơn trong vụ án. Vụ án không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hồ Thị T, ông Nguyễn Văn L, người được ông L ủy quyền là ông Nguyễn Văn C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T là ông Đào Xuân K thống nhất trình bày:

Trước năm 1989, vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị T được bố mẹ cho ra ở riêng trên thửa đất số 198, tờ bản đồ số 2, diện tích 348m² đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/1995. Ranh giới giữa gia đình ông L, bà T và gia đình bà Hồ Thị Hiền (*chủ cũ đất, hộ liền kề phía bắc*) là bờ cây thuốc dầu cao 0,5m. Sau khi xây nhà, khoảng năm 1991, 1992 thì gia đình ông L, bà T xây bờ tường dấp trên phần đất của mình, khi xây bà H có góp một ít sò khóm để xây. Sau đó thì bà H đã bán mảnh đất này cho ông Hồ Thế B ở xóm 4, xã Q1 để gặt nợ. Sau đó ông B nhượng lại cho ông Hồ Trọng S. Năm 1999 ông S làm nhà có sang ngõ ý dạm mua mấy chục phân đất phía sau, trong đó có cả bờ tường dấp nhưng vợ chồng ông L, bà T không bán. Tiếp sau đó ông S sang nhà dạm gia đình ông L, bà T xây chồng lên bờ tường dấp ba lớp sò nữa để che bớt cửa sổ thì gia đình có đồng ý. Tháng 8 năm 2016 ông Hồ Trọng S tự đổ tấm dằng lên mặt tường dấp rồi cắm cột mái che lên đó. Hiện nay phần mái che của nhà ông S lấn chiếm sang đất của nhà ông L, bà T từ 5 đến 6cm. Khi trời mưa nước chảy xuống đất của gia đình ông L. Nay vợ chồng ông L, bà T yêu cầu ông Hồ Trọng S phải tháo dỡ cột mái che đưa xuống về phía đất gia đình ông S, đầu mái che không được vượt quá tấm bờ tường dấp, nước mưa không được chảy sang đất của gia đình ông L, bà T. Đề nghị Tòa án buộc ông S, bà H trả lại bờ tường dấp cho gia đình sử dụng vì đất và bờ tường dấp là của riêng gia đình ông L, bà T.

- *Bị đơn ông Hồ Trọng S, bà Phạm Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Hoàng Văn C thống nhất trình bày:*

Đất của vợ chồng ông S, bà H có nguồn gốc mua của ông Hồ Diên T, bà Hồ

Thị C và ông Hồ Diên Ch năm 1998. Đã được UBND huyện Quỳnh Lưu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/01/2009 mang tên Hồ Trọng S và vợ là Phạm Thị H với diện tích sử dụng là 264m², tại thửa đất số 1136, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất Xóm 6, xã Q1, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Mảnh đất ông mua chủ thực sự là bà Hồ Thị H và ông Hồ Nghĩa T nhưng người trực tiếp bán cho ông là Hồ Diên Ch em trai của bà H. Lúc bàn giao đất tại hiện trường có ông, ông Ch, ông L khi đó ông hỏi ông Ch bờ tường dắc của ai, ông Ch nói của ông Ch, ông L nghe rõ điều này không có ý kiến gì. Năm 2000 ông làm mái tôn che nắng, mưa phần sân, khi làm bờ tường dắc cài thép đỡ trụ bê tông cắm cột bê tông lên bờ tường dắc, khi làm ông xin ông L cho chống cột pha vào nhà ông thì ông L đồng ý. Tháng 2 năm 2016, ông tu sửa mái che thì ông L không đồng ý và cho rằng đó là bờ tường chung của hai nhà. Sau khi mua năm 1999 ông có tu sửa nâng cao bờ tường dắc, đỡ cột lên tường, làm mái che. Bờ tường dắc là của gia đình ông, mép ngoài bờ tường giắc tiếp giáp với đất ông L vẫn trong chỉ giới sử dụng đất của ông, mái che của gia đình ông hiện nay chưa sang đất của ông L. Khi làm nhà sau năm 2000 thì làm mái che cột vẫn nằm trên bờ tường dắc, sau tu sửa lại. Năm 2016 vị trí các cột vẫn nằm nguyên vị trí cũ, chỉ đỡ dằng cao thêm 20 phân, sau khi cắm cọc mới hoàn chỉnh thì ông L mới sinh chuyện. Vào khoảng năm 2014 hoặc 2015 gì đó ông có sang nhà ông L, bà T dạm thuê đất để lấy đường bốc hàng cho xe ô tô qua lại. Sau khi ông L, bà T không cho thuê nên ông có dạm với ông L để mua phần đất phía sau bờ tường dắc nhưng ông L không bán chứ không phải mua cả bờ tường dắc như nguyên đơn khai. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thì bờ tường đó do gia đình bà H xây, nằm trên đất của bà H sau này ông mua lại. Hiện nay bờ tường dắc cột chống, mái tôn đều không ảnh hưởng gì đến gia đình ông L. Việc nguyên đơn trình bày và đưa ra chứng cứ chứng minh tường bao là do mình xây năm 1989, xây hoàn toàn trên đất của mình là không có cơ sở pháp lý. Hiện tại cột chống trên tường, mái tôn che sân nhà ông S không vượt sang phần đất hoặc không gian gia đình nhà ông L. Vì vậy ông S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà T. đề nghị bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu ngày 02/10/2018 như sau: Đất đo đạc thực tế của gia đình bà T và ông L cụ thể như sau: Phía Tây giáp đường 537B có chiều dài 18,2m; Phía Đông giáp đất ông C dài 18,86m; phía Nam giáp đất nhà ông Nguyễn Văn C dài 18,1m; Phía Bắc giáp đất nhà ông Hồ Trọng S, bà Phạm Thị H dài 19,77m. Tổng diện tích là 344,6m² (bao gồm cả bờ tường dắc đang tranh chấp). Đo đạc đất ông Hồ Trọng S chiều dài bám trục đường 537B là 10,20m, chiều dài một cạnh giáp nhà ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn C là 26,70m, một cạnh giáp đất ông Nguyễn Văn Kh là 24,75m, một cạnh giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Kh là 10.47m. Tổng diện tích là 275,77m².

Ranh giới của gia đình ông C, ông L và ông S là một bờ tường thẳng từ phía nhà công trình phụ ông C giáp với nhà bếp của gia đình ông S kéo ra đường 537B. Bờ tường dắc đang tranh chấp có chiều dài đo được là 14,5m, đoạn tiếp giáp bờ tường dắc giáp đường 537B chưa xây có chiều dài 4,79m. Chiều dài mái tôn dọc trên bờ tường dắc cộng với đoạn chưa xây là 17,63m; chiều cao bờ tường dắc được đo làm 2 điểm, điểm ngoài giáp đường 537B cao 1,82m, điểm phía trong cao 1,726m; chiều rộng bề mặt tường dắc được đo làm ba điểm, điểm phía ngoài giáp đường 537B có chiều rộng 11,4 cm; điểm ở giữa có chiều rộng 13,8 cm; điểm phía trong có chiều rộng 13,5cm. Trên mặt tường dắc gia đình ông S có hàn 06 cột sắt 76. Đo mái che của gia đình ông S nằm trên bờ tường dắc được đo làm 03 điểm: Đo điểm phía trong giáp nhà bếp của ông S và nhà công trình phụ của ông Nguyễn Văn C mái tôn có chiều rộng nằm trên bờ tường dắc là 10cm + máng nước áp mái tôn có chiều rộng nằm trên bờ tường dắc là 15,7cm; Đo điểm ở giữa mái tôn có chiều rộng nằm trên bờ tường dắc là 43cm + máng nước áp mái tôn nằm trên bờ tường dắc rộng 8cm; đo điểm giáp đường 537B mái tôn có chiều rộng nằm trên bờ tường dắc là 7,3cm + máng nước áp mái tôn có chiều rộng nằm trên bờ tường dắc là 10,7cm; Độ rộng khung sắt nằm dưới cọc sắt 76 của ông S đóng trên bờ tường dắc rộng 12cm; Chiều cao bờ tường dắc gia đình ông L, bà T xây dựng là 1,09m; chiều cao bờ tường dắc gia đình ông S xây chồng lên 3 lớp sò + Giăng là 0,7m. Đo độ rộng phía dưới gần móng của bờ tường dắc là 20,5cm. (BL 124, 125).

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm đã Quyết định;

Căn cứ các Điều 164, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Văn L.
2. Buộc ông Hồ Trọng S, bà Phạm Thị H phải tháo dỡ 06 cột sắt 76 đóng trên bờ tường dắc.
3. Buộc ông Hồ Trọng S và bà Phạm Thị H cắt bỏ toàn bộ phần mái tôn nằm dọc trên bờ tường dắc có chiều dài 17,63m cụ thể như sau: đoạn thứ nhất là điểm phía trong giáp với nhà bếp của ông S, bà H và công trình phụ của ông Nguyễn Văn C, giáp đất ông Nguyễn Văn L, bà Hồ Thị T có chiều rộng mái tôn nằm trên bờ tường dắc 10cm + máng nước ép mái tôn nằm trên bờ tường dắc có chiều rộng là 15,7cm kéo đến điểm ở giữa có chiều rộng mái tôn nằm trên bờ tường dắc 4,3cm

+ máng nước áp mái tôn nằm trên bờ tường dắc rộng 08cm; Đoạn thứ hai là điểm ở giữa bờ tường dắc có chiều rộng mái tôn nằm trên bờ tường dắc 4,3cm + máng nước áp mái tôn nằm trên bờ tường dắc rộng 08cm kéo đến điểm giáp đường 537B mái tôn nằm trên bờ tường dắc có chiều rộng 7,3cm + máng nước áp mái tôn nằm trên bờ tường dắc có chiều rộng 10,7cm.

4. Buộc ông Hồ Trọng S và bà Phạm Thị H trả lại bờ tường dắc cho ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị T được toàn quyền sử dụng và sở hữu.

Ngoài ra Bản án còn tuyên chi phí tháo dỡ, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 07/12/2018 ông Hồ Trọng S có Đơn kháng cáo với nội dung: Toàn bộ Bản án sơ thẩm của TAND huyện Quỳnh Lưu tuyên không đúng pháp luật, không thể hiện nguyên tắc thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lý đề nghị TAND tỉnh Nghệ An khách quan xem xét, xử phúc thẩm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho ông.

Ngày 28/12/2018 ông S có Bản trình bày nội dung kháng cáo cụ thể như sau: Sau khi trả đủ tiền mua đất anh Chuyên trực tiếp đo, giao đất tại thực địa có mặt anh L, ông đã hỏi: " Bờ tường của ai", anh Ch nói: " Của người mua đất (tôi)" nhưng anh Lương không có ý kiến gì. Năm 2000 xây cao thêm bờ tường, năm 2002 đổ trụ, lắp ông sắt, làm mái tôn anh Lương cũng không có ý kiến gì, năm 2016 tu sửa, nâng cấp thì anh Lương mới ngăn cản không cho làm. Bờ tường là chủ cũ (anh T, chị H) xây, khi bàn giao anh Lương biết nhưng không có ý kiến gì, ông đã nâng cấp, sử dụng 15 năm, nằm trong chỉ giới đất của ông nên thuộc quyền sở hữu của ông. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét khách quan công minh, đúng pháp luật.

Ngày 24/12/2018 bị đơn là ông L, bà T có văn bản nêu ý kiến về nội dung kháng cáo của ông S , phản bác lời khai và chứng cứ của bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm tuyên xử như Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 12/6/2019 bị đơn là ông S đề nghị và ông Hồ Nghĩa Toàn là chủ đất cũ có mặt trình bày: Ranh giới 2 hộ là bờ cây thuốc dầu, bờ tường đang tranh chấp do ông xây, trên phần đất của ông. Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm để điều tra , xét xử lại.

Đại diện VKSND tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, xét xử phúc thẩm, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS, người kháng cáo nộp đơn trong hạn nên chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ chưa có cơ sở để xác định là bờ tường riêng của bà T, Bản án sơ thẩm tuyên là bờ tường riêng nhưng không tính toán trả tiền công, nguyên vật liệu do ông S làm được bà T đồng ý là không đảm bảo quyền lợi cho ông S, ông S thuộc diện người cao tuổi nhưng không hướng dẫn ông S làm đơn mà buộc ông chịu án phí là chưa phù hợp, phần Bản án tuyên phải cắt bỏ mái tôn nhưng không tuyên rõ nằm trên thửa đất nào gây khó khăn cho công tác thi hành án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông S. Hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, khắc phục các vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo ông S nộp trong hạn luật định vì vậy chấp nhận việc kháng cáo đúng quy định và cấp phúc thẩm thụ lý, xét xử vụ án.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông S về nội dung:

Về quan hệ tranh chấp và yêu cầu cần giải quyết trong vụ án dân sự này, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là việc đòi lại tài sản nhưng thực chất là tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề quy định tại điều 175, 176 của Bộ luật dân sự. Vấn đề cần xác định là ranh giới này do ai xây, xây trên đất của ai, chứng cứ gì để chứng minh.

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L, bà Hồ Thị T cho rằng: Bờ tường dắc hiện nay đang tranh chấp (ranh giới với bị đơn) là do vợ chồng ông L, bà T xây dựng trên phần đất của gia đình mình. Khi xây bờ tường dắc bà Hồ Thị Hiền (là chủ đất cũ) có góp một ít sò khóm để xây. Bị đơn (ông S) cho rằng: Bờ tường dắc đang tranh chấp do ông mua của ông Hồ Diên Ch, khi bàn giao ranh giới có ông L chứng kiến nhưng không có ý kiến gì, khi xây thêm, làm mái che năm 2002 thì gia đình ông L cũng không có ý kiến gì. Chủ cũ là ông Hồ Nghĩa T xác định: Bờ tường tranh chấp là do ông xây, trên phần đất của gia đình ông.

Căn cứ vào lời khai của các bên, kết quả điều tra xác minh có cơ sở để xác định bờ tường do 2 bên cùng xây dựng nên, ông L, bà T, ông T xác định xây trên phần đất của gia đình mình nhưng không có tài liệu gì để chứng minh, chủ cũ (bà H, ông T, anh Ch) thì các lời khai, giấy xác nhận không thống nhất và cũng không có cơ sở để xác định bờ tường do ông T xây. Trên thực tế thì: Ranh giới(bờ tường dắc) có cơ sở xác định đã tồn tại khoảng từ năm 1992, 1993 đến năm 2016 (mức 24 năm) không xảy ra tranh chấp. Căn cứ vào các chứng cứ và tôn trọng thực tế có đủ cơ sở để xác định bờ tường đang tranh chấp là ranh giới chung của hai bên, bà T tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2017 cũng thừa nhận:" Bờ tường là cùng nhau xây làm

phân định ranh giới giữa 2 nhà, Nó có giá trị như là một đường biên chung không bên nào được tùy tiện chiếm dụng như là sở hữu riêng của mình đề nghị buộc ông S tháo dỡ công trình trên tường", quá trình hòa giải ở xã đều xác định là bờ tường chung nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định là bờ tường riêng, được ông L, bà T xây trên phần đất của mình là không có cơ sở, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Ông T tại phiên tòa phúc thẩm khai là do ông xây, trên đất của mình nhưng cũng không có cơ sở, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Ông S kháng cáo nhưng các chứng cứ như lời khai ông Ch, bà T, ông H đều mâu thuẫn không nhất quán, khi bàn giao tại thực địa ông L không thừa nhận, các giấy tờ chuyển nhượng không ghi rõ bờ tường của ai nên không có căn cứ để xác định bờ tường là của ông vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

Căn cứ vào những nhận định trên có cơ sở xác định: Bờ tường đang tranh chấp là ranh giới chung của 2 bên cần sửa án sơ thẩm để xác định ranh giới, mốc giới thuộc sở hữu chung.

Phần tường đã xây, chi phí nguyên vật liệu các bên không có ý kiến gì cần giữ nguyên trạng nhưng ông S phải tháo dỡ các công trình đã xây dựng trên mốc giới ngăn cách các bất động sản (*cọc thép, mái tôn che trên tường*) theo quy định tại điều 176 Bộ luật dân sự (*trừ tường hợp ông L, bà T thỏa thuận để nguyên hiện trạng*). Ông S xây dựng khi đang tranh chấp, đã có sự đình chỉ của chính quyền nên ông phải tự chịu chi phí tháo dỡ.

Cấp sơ thẩm không xác định rõ quan hệ tranh chấp (ranh giới, mốc giới ngăn cách giữa các bất động sản liền kề) và không áp dụng điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự khi xét xử vụ án là vi phạm, thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Các vi phạm của Bản án sơ thẩm như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa như án phí, không tuyên rõ địa chỉ tài sản phải tháo dỡ, cấp phúc thẩm có thể khắc phục để đảm bảo các quyền lợi hợp pháp cho các đương sự, không cần thiết phải hủy án sơ thẩm mà sửa án sơ thẩm và khắc phục các vi phạm đã nêu.

Trên cơ sở lập luận trên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông S. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nêu trên .

[5] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nhưng ông S thuộc diện người cao tuổi nên không phải chịu (kể cả án phí sơ thẩm).

Về chi phí thẩm định, định giá: 3.000.000đ. Bản án sơ thẩm tuyên ông S phải trả lại cho ông L, nhưng ông L khởi kiện chỉ được Tòa án chấp nhận một phần nên cần buộc ông phải chịu 1/2. Ông S phải trả cho ông L 1.500.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, điều 309 của BLTTDS. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Hồ Trọng S. Sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 164, 166, 175 và 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Văn L.

Xác định công trình bờ tường xây dài 14,5m có chiều cao điểm phía ngoài (*phía đường 537 B*) là 1,82m, điểm trong cùng(*phía nhà bếp ông S*) có chiều cao 1,726m được xây dựng giáp ranh giữa thửa đất số 198 tờ bản đồ số 2 và thửa số 1136, tờ bản đồ số 7 (xóm 6 xã Q1) là mốc giới ngăn cách các bất động sản liền kề thuộc sở hữu chung của ông Hồ Trọng S, bà Phạm Thị H với ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị T.

2. Buộc ông Hồ Trọng S, bà Phạm Thị H phải tháo dỡ 06 cột sắt fi 76 đóng trên bờ tường dắc và cắt bỏ phần mái tôn nằm dọc trên bờ tường dắc có chiều dài 14,5m (cắt bỏ đến mép ngoài bờ tường làm ranh giới về phía đất ông S theo phương thẳng đứng khi kéo dây dọi) cụ thể như sau: đoạn thứ nhất là điểm phía trong giáp với nhà bếp của ông S, bà H có chiều rộng mái tôn nằm trên bờ tường dắc 10cm + máng nước ép mái tôn nằm trên bờ tường dắc có chiều rộng là 15,7cm kéo đến điểm ở giữa có chiều rộng mái tôn nằm trên bờ tường dắc 4,3cm + máng nước áp mái tôn nằm trên bờ tường dắc rộng 08cm; Đoạn thứ hai là điểm ở giữa bờ tường dắc kéo đến điểm cuối bờ tường (phía đường 537B) mái tôn nằm trên bờ tường dắc có chiều rộng 7,3cm + máng nước áp mái tôn nằm trên bờ tường dắc có chiều rộng 10,7cm. Phần công trình phải tháo dỡ này nằm trên bờ tường xây dài 14,5m có chiều cao điểm phía ngoài (*phía đường 537 B*) là 1,82m, điểm trong cùng (*phía nhà bếp ông S*) có chiều cao 1,726m được xây dựng giáp ranh giữa thửa đất số 198 tờ bản đồ số 2 và thửa số 1136, tờ bản đồ số 7 (xóm 6 xã Q1).

3. Chi phí tháo dỡ, cắt bỏ phần mái tôn trên tường ông Hồ Trọng S và bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ.

4. Về chi phí tố tụng (thẩm định, định giá): Buộc ông Hồ Trọng S, bà Phạm Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị T số tiền: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: ông Hồ Trọng S và bà Phạm Thị H không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/6/2019)./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS huyện Quỳnh Lưu;
- TAND huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Q.Minh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà